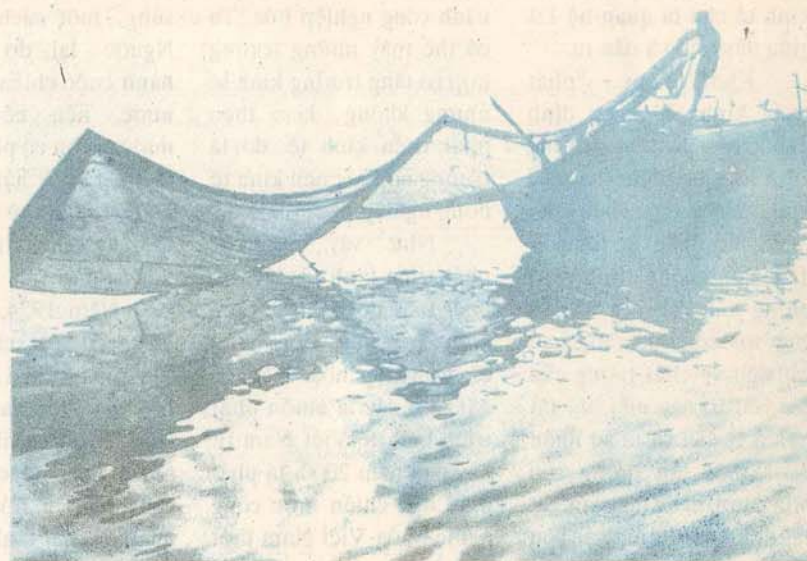


MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ QUÁ TRÌNH ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA CHO VIỆT NAM TRONG THẬP KỶ 90

PHAN TƯỜNG VÂN

Tiến sĩ kinh tế quốc tế (Hoa Kỳ)



I. Phần mở đầu :

Nếu đẩy mạnh được quá trình công nghiệp hóa thì sẽ phát triển nhanh chóng được nền kinh tế của một đất nước. kinh nghiệm của các nước đã phát triển trên thế giới chứng minh được sự kiện vừa nêu. Vì thế người ta thường dùng những từ “các nước đã phát triển”, “các nước đã được công nghiệp hóa” hoặc “các nước công nghiệp” thay cho nhau. Điều đó có nghĩa tỷ lệ phát triển kinh tế của một nước có nhanh chóng hay không là tùy thuộc ở nước đó có một trình độ công nghiệp cao hay không.

Đồng thời ta cũng hiểu rằng không phải bất kỳ nước nào cũng có thể đẩy mạnh được quá trình công nghiệp hóa cho mình trong bất kỳ một môi trường nào hay một hoàn cảnh nào. Muốn đẩy mạnh

được quá trình công nghiệp hóa, trước tiên ta phải dày công chuẩn bị trong một thời gian dài để tạo môi trường cho sự nghiệp công nghiệp hóa được thực hiện với tốc độ như mong muốn. Công việc chuẩn bị này đòi hỏi sự cố gắng liên tục đầy sức sáng tạo và một lòng kiên nhẫn để khắc phục mọi gian lao, thử thách. Cố gắng này là của tập thể lãnh đạo các cấp, các ngành, các chuyên viên trong mọi lĩnh vực và nhân dân lao động của cả nước. Kinh nghiệm của một Nam Triều Tiên, một Đài Loan cho thấy những thành quả kinh tế rực rỡ mà họ đã đạt được trong thập kỷ 70 và 80 vừa qua đều do sức lao động ngừng của người dân trong một thời gian trên dưới 20 năm. Như vậy việc phát triển kinh tế nhanh chóng cho một đất nước là có thể

làm được nếu ta có quyết tâm cao, và đi đúng hướng. Nhưng ta cũng phải ghi nhận rằng công việc đó không phải dễ thực hiện và không phải ai cũng làm được. Từ sự việc này, chúng tôi muốn đặt ra một vấn đề là : trong tình hình hiện nay, ta có thể phát triển với tốc độ cao nền kinh tế Việt Nam trong thập kỷ 90 sắp tới đây không ? Tại sao trong những thập kỷ vừa qua nước ta lại có một nền kinh tế bị trì trệ ? Muốn phát triển nhanh chóng nền kinh tế thì ta nên có một chiến lược phát triển như thế nào cho hợp lý và đúng hướng ?.

II. Một vài khái niệm chuyên môn

Để có thể đi sâu vào những vấn đề vừa nêu, chúng tôi xin lược qua một vài khái niệm chuyên môn trong lĩnh vực phát triển kinh tế.

Trước tiên xin đề cập đến hai khái niệm “tăng trưởng kinh tế” và “phát triển kinh tế”. Những số liệu thống kê về mọi hoạt động kinh tế của một nước trong thời gian một năm được tập hợp một cách có hệ thống thành ra “Tổng sản phẩm quốc dân” của năm đó. Nếu so sánh Tổng sản phẩm quốc dân của từng năm kế tiếp nhau thì ta ghi nhận được sự biến đổi của định lượng này. Sự biến đổi này có thể là dương hay âm, nhanh hay chậm. Sự biến đổi của định lượng này được định nghĩa là “tăng trưởng kinh tế”. Như vậy, ở đâu vào, nếu ta đưa vào một số nhập lượng nhất định nào đó của các yếu tố sản xuất như đất đai, vốn, lao động, máy móc thiết bị, thì ta nhận được ở đâu ra một số sản lượng tương xứng được gọi là tổng sản phẩm quốc dân.

Nếu tăng nhập lượng thì ta có được một mức tăng trưởng kinh tế tương ứng. Khái niệm tăng trưởng kinh tế cho ta quan hệ 1:1 giữa đầu vào và đầu ra.

Khái niệm “phát triển kinh tế” được định nghĩa như là tăng trưởng kinh tế cộng thêm thay đổi kinh tế kỹ thuật. Theo khái niệm này, nếu ta thêm ở đầu vào không những số lượng của các yếu tố sản xuất mà còn đưa vào cả sự cải tiến về chất lượng của các yếu tố này nữa, thì tất nhiên ở đầu ra ta sẽ nhận được một sản lượng cao hơn trước bằng mấy lần. Sự cải tiến chất lượng các yếu tố sản xuất được thể hiện qua sự gia tăng năng suất của các yếu tố sản xuất như năng suất đất canh tác, năng suất lao động, năng suất vốn đầu tư, năng suất máy móc thiết bị. Muốn gia tăng năng suất các yếu tố sản xuất, rõ ràng ta phải đưa vào sự thay đổi về mặt kỹ thuật: chẳng hạn như ta thay đổi một quy trình công nghệ thì số máy móc sử dụng trong quy trình đó có thể không thay đổi nhưng nó sẽ cho ra một sản lượng cao hơn bằng mấy lần quy trình công nghệ cũ. Nhưng số máy móc này phải được thiết kế mới và công nhân sử dụng máy cũng phải được đào tạo lại. Vì thế trong quá trình thay đổi kỹ thuật, đôi khi tăng trưởng kinh tế trong một thời gian nhất định nào đó phải bị âm hay tăng chậm đi. Nhưng sau đó mức tăng trưởng lại vượt hơn trước rất nhiều. Thời gian mức tăng

trưởng kinh tế của một nước tăng chậm hoặc bị âm là thời gian chuyển mình của nước đó trong quá trình công nghiệp hóa. Ta có thể thấy những trường hợp có tăng trưởng kinh tế nhưng không kèm theo phát triển kinh tế, đó là trường hợp các nền kinh tế nông nghiệp phong kiến.

Như vậy, muốn có phát triển kinh tế, tất yếu phải thay đổi kỹ thuật, có nghĩa là phải tiến hành công nghiệp hóa. Vấn đề đặt ra ở đây là muốn phát triển kinh tế Việt Nam từ nay đến năm 2000, ta phải nghĩ đến chiến lược công nghiệp hóa Việt Nam một cách hợp lý và đúng hướng.

III. Tình hình nền công nghiệp Việt Nam tính đến năm 1989.

Trước khi bàn đến chiến lược công nghiệp hóa cho Việt Nam trong thập kỷ 90 này, ta nên lướt qua tình hình thực tế của nền công nghiệp nước ta từ lúc hình thành cho đến hôm nay.

Trước năm 1945, trong thời Pháp thuộc, kinh tế Việt Nam chủ yếu là nền kinh tế nông nghiệp, chuyên sản xuất các mặt hàng nông, lâm, khoáng sản ở dạng nguyên liệu thô hoặc được sơ chế mà thôi. Các mặt hàng này chỉ được xuất qua Pháp và các nước thuộc địa của Pháp. Nền công nghiệp của Việt Nam vào thời kỳ ấy còn rất non yếu, chủ yếu sơ chế một số mặt hàng nông, lâm, khoáng sản xuất khẩu và sản xuất một số mặt hàng tiêu dùng để tiêu thụ nội

địa.

Cho đến năm 1954, nền công nghiệp còn non yếu này không được bổ sung một cách đáng kể. Ngược lại, do phải tiến hành cuộc chiến tranh giữ nước, nền công nghiệp nước ta còn có phần eo uột thêm. Đó là hậu quả của một nền kinh tế nằm trong thời kỳ chiến tranh khốc liệt.

Năm 1954, đất nước lại bị chia cắt, chiến tranh vẫn tiếp tục. Hai miền Nam Bắc của Việt Nam lại theo hai chế độ chính trị khác nhau. Do đó chiến lược công nghiệp hóa của hai miền có khác ở nhiều điểm, thậm chí rất khác nhau. Chiến lược kinh tế của miền Bắc là tự lực tự cường, chiến lược công nghiệp hóa chủ yếu là phát triển công nghiệp nặng, công nghiệp chế biến các máy móc dùng trong sản xuất, v.v. Chiến lược này đòi hỏi mức vốn đầu tư với qui mô rất lớn, một trình độ kỹ thuật ở mức rất cao cho các yếu tố sản xuất. Nhưng miền Bắc thực tế ít vốn, trình độ kỹ thuật của các yếu tố sản xuất thì non yếu. Do đó các nhà máy, các xí nghiệp được hình thành trong lãnh vực sản xuất này đều ở qui mô nhỏ, chỉ bằng những nhà máy, xí nghiệp tiểu thủ công của nước ngoài mà thôi. Sản xuất công nghiệp vì đó rất yếu kém, nên các nhà máy, xí nghiệp này khó đạt được điểm hòa vốn trong một thời gian ngắn.

Trong khi đó, miền Nam cũng phát triển cho



minh một nền công nghiệp. Nhưng nền công nghiệp ở Miền Nam chủ yếu sản xuất các mặt hàng tiêu dùng như vải sợi, thực phẩm chế biến, ... Các nhà máy, xí nghiệp sản xuất ra các mặt hàng công nghiệp này không bị gò bó trong điều kiện phải cạnh tranh với các mặt hàng này trước đó đã được nhập và trong thời gian đó vẫn còn đang tiếp tục nhập. Họ chỉ nhằm bổ sung cho các mặt hàng nhập mà thôi, vì lẽ thị trường tiêu thụ các mặt hàng này ở Miền Nam rất khổng lồ, trong thời gian 1965 - 1973. Vốn đầu tư cho các mặt hàng này không cần phải lớn lắm; trình độ khoa học kỹ thuật của máy móc thiết bị và của công nhân cũng không cần cao lắm. Vì thế các xí nghiệp này thường đạt điểm hòa vốn trong một thời gian ngắn. Đó là điểm hấp dẫn chủ yếu đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước khi họ bỏ vốn thành lập các xí nghiệp trong các ngành sản xuất này. Đặc điểm của xí nghiệp loại này là sử dụng chủ yếu nguồn nguyên liệu ngoại nhập.

Năm 1975, Miền Nam được hoàn toàn giải

phóng, đất nước thống nhất. Nền công nghiệp Miền Bắc vẫn duy trì tình trạng của thời kỳ trước năm 1975. Điều đó có nghĩa là các xí nghiệp công nghiệp vẫn ở qui mô nhỏ, vẫn sản xuất những mặt hàng cổ hữu, vẫn chưa đạt được điểm hòa vốn, vẫn phải đương đầu với những khó khăn vốn có trước đây. Từ năm 1975 - 1989, tình hình sản xuất công nghiệp không phát triển đáng kể. Trong khi đó, tình hình nền công nghiệp của Miền Nam trở nên bi đát. Gần như toàn bộ các chủ cũ của các xí nghiệp công nghiệp ở Miền Nam trước năm 1975 không còn điều hành cơ sở của mình nữa; quyền điều khiển được giao lại cho các viên chức cán bộ Nhà nước nhưng phần lớn hoạt động kém hiệu quả. Ta phải mất trên mười năm trời để từng bước phục hồi các nhà máy này, đưa chúng vào hoạt động song vẫn chưa phục hồi đầy đủ năng suất lao động của thời kỳ trước năm 1975; công suất máy móc thiết bị cũng chưa trở lại tình trạng như xưa; việc cung ứng nguyên liệu cũng yếu kém hơn (Ta nên nhớ các nguyên liệu cung ứng cho các nhà máy này trước đây đều là nguyên liệu ngoại nhập). Vì tình hình thực tế như vừa nêu trên, nếu so sánh với những năm trước 1975, ta thấy sản lượng công nghiệp của cả Việt Nam ngày hôm nay không hơn gì năm 1975, chất lượng thì phần lớn yếu kém hơn, mặt hàng thì kém đa dạng và phong phú.

Đó là sơ lược toàn cảnh của nền công nghiệp Việt Nam từ năm 1945 cho đến nay. Có thể nói từ hơn 40 năm qua ta có đạt được nền móng cho công nghiệp theo đúng nghĩa của nó, mặc dù ta còn phải làm rất nhiều việc để đưa trình độ công nghiệp hóa của nước ta lên ngang bằng với trình độ hiện nay của một Nam Triều Tiên, một Đài Loan. Bắt đầu từ cái nền móng đó để đi lên ta phải làm gì từ nay cho đến năm 2000 để Việt Nam có thể đuổi kịp các nước vừa mới công nghiệp hóa ở trong vùng? Ta có thể làm được việc đó hay không?

IV. Chiến lược công nghiệp hóa cho Việt Nam từ nay đến năm 2000.

Trong những thập kỷ vừa qua, chúng ta đã vấp phải nhiều khó khăn trong sự nghiệp công nghiệp hóa do những nguyên nhân chủ quan và khách quan. Từ tình hình thực tế như hiện nay, chúng ta có dự kiến sẽ đưa đất nước lên đỉnh cao phát triển kinh tế như mọi người mong chờ hay không? Tất nhiên muốn làm việc đó ta phải khắc phục rất nhiều khó khăn đã và hiện đang ngăn cản bước tiến của nền kinh tế chúng ta. Tuy nhiên bên cạnh một số khó khăn chúng ta cũng có được một số thuận lợi đáng kể của những kẻ đi sau. Điều quan trọng là chúng ta phải đưa ra được một chiến lược công nghiệp hóa hợp lý và đúng hướng, vừa khắc phục được những khó khăn sẵn có, vừa khai thác triệt để các

mặt thuận lợi.

Chúng tôi xin lược qua những khó khăn, thuận lợi ta sẽ gặp phải trong sự nghiệp công nghiệp hóa Việt Nam trong thập kỷ 90 đồng thời cũng nêu lên một số điểm chiến lược khả dĩ khắc phục được các mặt khó khăn, khai thác được những mặt thuận lợi. Khó khăn thứ nhất là làm thế nào để có đủ vốn đầu tư giúp cho tổng sản phẩm quốc dân của Việt Nam tăng hàng năm khoảng 9 - 10% trong một thời gian liên tục là 10 năm? Theo kinh nghiệm của các nước đã phát triển hoặc vừa mới công nghiệp hóa thì ta phải đầu tư liên tục trong nhiều năm liền với giá trị mỗi năm từ 25 đến 30% tổng sản phẩm quốc dân dành cho những đầu tư mới thì mức tăng trưởng kinh tế hàng năm mới đạt được 5 - 6%/ năm. Theo kinh nghiệm của các nước đã phát triển ở phương Tây thì số vốn đầu tư cần thiết phải được lấy từ tiền tiết kiệm hàng năm. Nhưng kinh nghiệm mới nhất từ các nước mới công nghiệp hóa ở châu Á cho thấy ta có thể huy động vốn đầu tư từ các nước ngoài. Theo các số liệu thống kê hiện có, tổng sản phẩm quốc dân của Việt Nam hiện nay không cho phép ta tiết kiệm hàng năm quá 4 - 5% (trên tổng sản phẩm quốc dân). Nếu chỉ căn cứ trên kinh nghiệm của các nước đã phát triển ở phương Tây để tính toán thì ta không thể tìm đâu ra vốn đủ để tạo

mức tăng trưởng kinh tế hàng năm trong suốt thập kỷ 90 này từ 6 đến 10%/ năm. Nhưng theo kinh nghiệm gần đây của Nam Triều Tiên, Đài Loan thì ta có thể huy động được số vốn đầu tư cần thiết từ các nước ngoài. Vấn đề huy động vốn nước ngoài để công nghiệp hóa đất nước vừa là một khó khăn đối với ta nhưng cũng có những mặt thuận lợi, do đó chiến lược công nghiệp hóa phải được tính toán thế nào cho có lợi nhất. Thường thường không có nước ngoài nào lại chịu tập trung đủ một số vốn lớn cho các nước đang phát triển. Mà cho dù có đi nữa ta cũng không dễ chấp nhận vì lẽ nhận như thế ta có thể bị họ khống chế ngay. Nhưng vì bắt buộc phải huy động vốn đầu tư nước ngoài nên nhất thiết phải định cho được một chiến lược công nghiệp hóa hợp lý có lợi cho cả đôi bên bằng cách phải chú ý đến tính liên lập giữa nước ta và cả thế giới.

Khó khăn thứ hai, giả sử số vốn đầu tư khổng lồ đã có trong tay rồi ta phải biết phân bổ nó như thế nào để mang lại hiệu quả cao nhất cho nền kinh tế chúng ta. Hiệu quả đầu tư của từng loại đầu tư không giống nhau. Có những công trình đầu tư vào các ngành sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao, thời gian thu hồi vốn ngắn, còn các công trình đầu tư cho các cơ sở hạ tầng thì phải trải dài về thời gian (25, 30 năm) mới thu hồi được vốn, nhưng

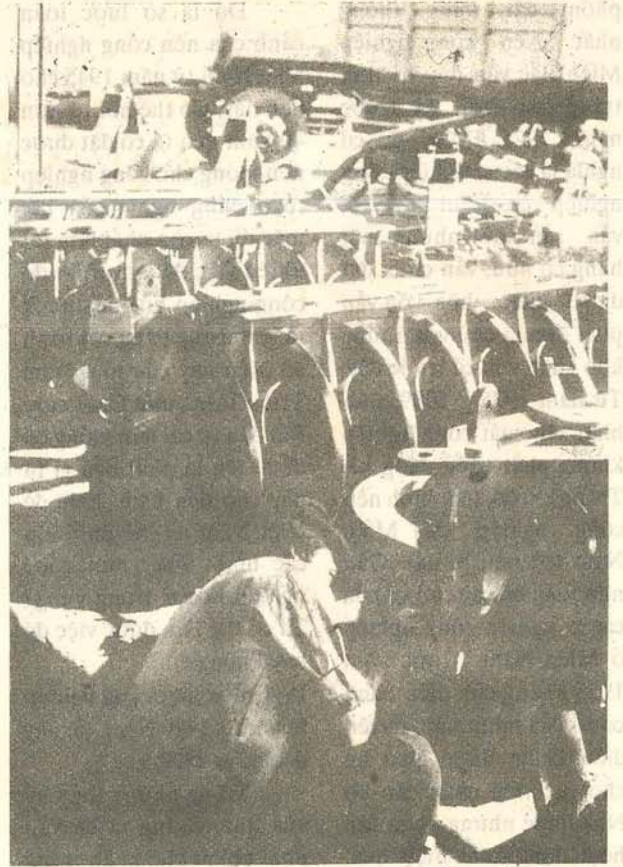
vấn phải đầu tư trước một bước các công trình như vậy để tạo ra một tiền đề phát triển có tính quyết định. Ta không thể bỏ qua các loại đầu tư này nếu ta muốn nền kinh tế của ta phát triển được. Thuận lợi có liên quan đến khó khăn thứ hai này cũng được dẫn chứng từ một số kinh nghiệm trong việc lựa chọn thứ tự ưu tiên các công trình đầu tư ở Nam Triều Tiên, Đài Loan. Rút tía từ các kinh nghiệm loại này, chiến lược công nghiệp hóa VIỆT NAM từ nay đến năm 2000 phải chọn lựa những công trình đầu tư có nội dung và hiệu quả kinh tế khác nhau nhưng phải bổ túc cho nhau để hình thành một thứ tự đầu tư hài hòa nhất có thể mang lại hiệu quả cao nhất phù hợp với tình hình thực tế Việt Nam.

Khó khăn thứ ba có liên quan đến vấn đề chuyển giao kỹ thuật từ các nước đã phát triển và các nước đang phát triển. Khó khăn này xảy ra từ hai đầu. Ở đầu vào, các nước phát triển không chịu chuyển giao những kỹ thuật hiện đại nhất của mình vì sợ mất thế cạnh tranh, về phía tiếp nhận vì trình độ khoa học kỹ thuật của đất nước còn quá kém nên không có khả năng tiếp nhận những kỹ thuật quá hiện đại được. Thông qua kinh nghiệm của Nam Triều Tiên, Đài Loan, trong chiến lược công nghiệp hóa của ta, ta nên chú ý đến phương thức chuyển giao kỹ thuật giữa một bên chuyển giao là các

công ty xuyên quốc gia và một bên là nước chủ nhà. Cho đến nay tổ chức Liên Hiệp Quốc và các tổ chức quốc tế khác đã nghiên cứu, phân tích một số điểm lợi hại trong mối giao dịch giữa các công ty xuyên quốc gia và các nước đang phát triển. Kết luận rút ra chưa ngã ngũ (lợi nhiều hay hại nhiều). Ở đây ta nên ghi nhận có nhiều điểm tích cực cũng như tiêu cực trong việc cùng các công ty xuyên quốc gia giải quyết vấn đề khó khăn thứ ba này.

Khó khăn thứ tư có liên quan đến các công trình đầu tư cho con người. Từ trước thập kỷ 60 người ta chỉ chú trọng những công trình đầu tư vào cơ sở vật chất của nền kinh tế. Đôi khi các công trình đầu tư đó không mang lại kết quả như mong muốn. Vì lẽ người ta quên đi yếu tố con người. Đầu tư để cải tiến chất lượng của yếu tố con người tuy ít tốn kém hơn nhưng phải trải qua một thời gian nhiều hơn so với những đầu tư vào cơ sở vật chất. Kinh nghiệm ở các nước đang phát triển trong các thập kỷ vừa qua cho thấy công trình đầu tư vào con người tuy rất khó khăn đòi hỏi tốn rất nhiều thời giờ song kết quả thu được lại vượt xa các loại đầu tư khác. Vì thế chiến lược công nghiệp hóa Việt Nam phải đặc biệt chú ý đến điểm này. Đến nay chúng tôi nhận thấy chưa có sự quan tâm đúng mức vấn đề đầu tư cho con người.

Khó khăn thứ năm là



Ảnh: Trần Văn Hòa

ta phải làm sao phá vỡ được những tắc nghẽn hiện nay ở trong nền kinh tế. Một trong những tắc nghẽn điển hình nhất mà các nhà kinh tế học thường đề cập là tắc nghẽn giữa lĩnh vực có liên quan đến công tác ngoại thương và những lĩnh vực kinh tế phục vụ cho thị trường trong nước. Khi những tắc nghẽn này còn tồn tại thì càng đầu tư bao nhiêu ta càng tạo nên độ cách biệt lớn bấy nhiêu trong nhiều lĩnh vực của nền kinh tế, tạo nên những ốc đảo trù phú giữa một đại dương nghèo nàn. Phá vỡ được tắc nghẽn đó, làn sóng đầu tư mới chảy ra được đại dương nghèo nàn, hiệu quả đầu tư mới tỏa rộng khắp

nơi, tăng trưởng kinh tế mới có, phát triển kinh tế mới thiết lập được. Muốn đảm bảo thành công, chiến lược công nghiệp hoá phải chú ý đến việc phá vỡ các tắc nghẽn này ngay trong thời gian đầu.

V. Kết luận

Trong bài viết này, chúng tôi chỉ mới xin xởi lên một số vấn đề liên quan đến công việc công nghiệp hoá đất nước. Chúng tôi cũng quan niệm rằng công nghiệp hoá là một tiền đề quyết định cho công cuộc phát triển kinh tế. Mong rằng một số vấn đề nêu ra sẽ có dịp thảo luận sâu hơn nữa trong những bài viết khác.

P.T.V